

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2020/HS-ST

Ngày: 07 - 7 - 2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Trường và Bà Nông Thị Phương Anh

-Thư ký phiên tòa: Ông Đào Hùng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Xoài

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa:
Ông Nông Quang Chung - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 31/2020/TLST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2020/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Hồ Ngọc D, sinh năm 1984 tại Quảng Ngãi; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tổ 99, khu phố B, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Không, Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Hồ K, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1963, bị cáo có vợ là chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990 (đã ly hôn) và 01 người con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/11/2019 cho đến nay “Bị cáo có mặt”.

Người bị hại:

Ông Bùi Văn C, sinh năm 1954; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tổ 02, khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “có mặt”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Trịnh Đình H, sinh năm 1979 “vắng mặt”;

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1981 “vắng mặt”;

Cùng đăng ký hộ khẩu thường trú số 727/40 Lê Hồng P (27/10 khu 3 cũ), tổ 10, khu 7, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Ông Hồ K, sinh năm 1963; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tổ 99, khu phố B, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước “có mặt”.

Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “có mặt”.

Người làm chứng:

Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1988; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú ấp M, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28/4/2017, Hồ Ngọc D thuê xe ô tô hiệu Innova biển số 61A - 018.24 của ông Bùi Văn C ngụ tại tổ 02, khu phố T, phường T, thành phố Đ để chạy dịch vụ, thời hạn thuê 12 tháng, giá thuê 12.000.000 đồng/01 tháng. Sau khi thuê, D sử dụng xe ô tô để chạy dịch vụ chở khách đi Campuchia chơi Casino “7 tầng” theo yêu cầu của khách. Trong những lần chở khách đi Casino, D tham gia đánh bạc tại Casino và thiếu nợ của một người tên C (không rõ nhân thân, lai lịch) sinh sống tại Campuchia với số tiền 400.000.000 đồng và thiếu tiền của một người đàn ông Campuchia (không rõ nhân thân, lai lịch) số tiền 280.000.000 đồng. Đến đầu tháng 06 năm 2017, người đàn ông tên C và người đàn ông Campuchia yêu cầu D đến đầu tháng 7 năm 2017 phải trả hết số tiền nợ nếu không thì phải giao xe ô tô Innova biển số 61A - 018.24 để trừ nợ thì D đồng ý. Đến đầu tháng 7 năm 2017, D trả tiền thuê xe ô tô cho ông C được 20.000.000 đồng thì không trả tiền thuê xe tiếp. Thời gian này, D không có tiền để trả nợ cho người tên C và người đàn ông Campuchia. Trong một lần D chở khách đến Casino “7 Tầng”, D đã giao xe ô tô hiệu Innova biển số 61A – 018.24 cho người Campuchia để cầm trừ nợ, người đàn ông Campuchia tính giá trị xe ô tô là 230.000.000 đồng, D còn thiếu lại người đàn ông này số tiền 50.000.000 đồng và người tên C 400.000.000 đồng. Đến cuối năm 2017, ông C đã nhiều lần yêu cầu D trả xe ô tô và tiền thuê xe thì D hứa hẹn nhiều lần nhưng không trả tiền cho ông C, nên ông C đến Công an thành phố Đ trình báo sự việc và làm đơn tố cáo D.

Ngày 21/11/2019, D đến Công an thành phố Đ đầu thú.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 31/KLĐG ngày 21/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đ kết luận: 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova biển số 61A – 018.24 đã qua sử dụng, còn hoạt động bình thường trị giá 300.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 33/CT-VKS ngày 17/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố bị cáo Hồ Ngọc D về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hồ Ngọc D mức án từ 03 năm đến 04 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có thu nhập ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận việc tại phiên tòa ông Hồ K đồng ý bồi thường thay cho bị cáo Hồ Ngọc D số tiền 150.000.000 đồng theo yêu cầu của người bị hại ông Bùi Văn C.

Bị cáo Hồ Ngọc D tại phiên tòa đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng số 33/CT-VKS ngày 17/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với kết luận điều tra; biên bản định giá tài sản, cùng các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Thấy, phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm và phương thức thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do muốn có tiền trả nợ đánh bạc nên sau khi thuê xe ô tô hiệu Innova biển số 61A - 018.24 của ông Bùi Văn C trú tại tổ 02, khu phố T, phường T, thành phố Đ để chạy dịch vụ thì đến đầu tháng 7/2017 Hồ Ngọc D đã đem xe ô tô hiệu Innova biển số 61A - 018.24 giao cho người đàn ông Campuchia (không rõ nhân thân, lai lịch) để cản trừ nợ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 31/KLĐG ngày 21/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thành phố Đ kết luận: 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova G, đời 2008, màu đen biển số 61A - 018.24, số máy: 1TR-6557524, số khung: RL4XW43G-089224620, đã qua sử dụng, còn hoạt động bình thường trị giá 300.000.000 đồng.

[3] Hành vi thuê tài sản của người khác thông qua hợp đồng rồi dùng chính tài sản thuê để cản trừ nợ nhằm chiếm đoạt của bị cáo Hồ Ngọc D đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*". Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Do tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị 300.000.000 đồng nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ truy tố bị cáo về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Bị cáo là người đã thành niên, khi phạm tội bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi thuê tài sản của người khác sau đó dùng tài sản đó để cản trừ nợ nhằm chiếm đoạt là hành vi phạm tội nhưng vì mục đích trả nợ của bản thân mà bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại, là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội

của bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Bị cáo được xem xét các tình tiết giảm nhẹ hình phạt như: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi phạm tội bị cáo đã đến Cơ quan Công an đầu thú; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường khắc phục thiệt hại cho người bị hại, người bị hại cũng có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt và miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, gia đình có công với cách mạng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ hình phạt theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét bị cáo Hồ Ngọc D có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có đủ điều kiện áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự nên được Hội đồng xét xử áp dụng để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng.

[7] Đối với hành vi đánh bạc của bị cáo Hồ Ngọc D thực hiện trên địa bàn nước Campuchia, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ hiện không xác định được nhân thân, lai lịch nên không có cơ sở xử lý.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa người bị hại ông Bùi Văn C yêu cầu bị cáo Hồ Ngọc D phải bồi thường giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 200.000.000 đồng, ông Hồ K là cha ruột bị cáo D đã bồi thường 50.000.000 đồng, ông C yêu cầu bồi thường tiếp số tiền 150.000.000 đồng. Ông Hồ K tại phiên tòa đã đồng ý bồi thường thay cho bị cáo D số tiền còn lại là 150.000.000 đồng, tuy nhiên do số tiền lớn nên ông K yêu cầu được trả số tiền trên cho ông C 01 lần trước ngày 15/6/2022, ông C tại phiên tòa cũng đồng ý theo đề nghị trả nợ của ông K. Xét thấy sự tự nguyện thỏa thuận giữa người bị hại là ông Bùi Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hồ K tại phiên tòa là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Hồ Ngọc D phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hồ Ngọc D 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 21/11/2019.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc ông Hồ K có trách nhiệm bồi thường cho ông Bùi Văn C số tiền 150.000.000 đồng. Thời hạn thanh toán xong vào ngày 15/6/2022.

“Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015”.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

4. Về án phí sơ thẩm:

Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Hồ Ngọc D phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm ông Hồ K phải chịu 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND Thành phố Đ;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS Thành phố Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước.
- CA Thành phố Đ;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh BP;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

đã ký

Lê Văn An